

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 06/2026/HS-ST
Ngày: 22/01/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Toàn

Ông Hoàng Trọng Thủy

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Bá Thi – Thư ký Toà án Minh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2: Ông Phan Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án, Toà án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 18/12/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST- HS, ngày 05/01/2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H; sinh ngày: 17/5/1975 tại: huyện T, tỉnh Quảng Trị (cũ); nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1942; chồng: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975, con: 04 đứa, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/11/2025 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị T2; sinh ngày: 10/7/1980 tại: huyện T, tỉnh Quảng Trị (cũ); nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh X (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952; chồng: Phạm T3, sinh năm 1975, con: 02 đứa, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/11/2025 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Chị Hoàng Thị L (đã chết).
- Người đại diện theo pháp luật của chị Hoàng Thị L: Anh Cao Văn N; sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị (là chồng của chị L); có mặt.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.
- những người làm chứng:
 1. Anh Lê Văn T4; sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
 2. Anh Cao Dũng S; sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
 3. Ông Nguyễn Văn H1; năm 1952; nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.
 4. Anh Trương Anh T5; sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn S, xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 25 phút ngày 14/06/2025, Nguyễn Thị H, trú tại Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị (Không có giấy phép lái xe theo quy định), điều khiển xe mô tô BKS: 73D1- 081.78 có dung tích xi lanh 124cm chở chị Hoàng Thị L ngồi phía sau, rẽ trái từ Quốc Lộ A đi vào đường liên thôn. Khi đến gần cổng chào của thôn C, xã T, H vẫn điều khiển xe đi phía bên trái đường theo chiều đi của mình. Lúc này Nguyễn Thị T2 điều khiển xe mô tô BKS 73E1 - 432.72 đi từ trong đường nhánh nội thôn đi ra, do không giảm tốc độ, thiếu quan sát để nhường đường, nên phần bánh trước xe mô tô H điều khiển đã tông mạnh vào chân trái của chị L làm chị L bị ngã ra đường, H điều khiển xe di chuyển thêm khoảng 05 mét nữa thì dừng lại bên đường.

Hậu quả: Chị Hoàng Thị L bị thương được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện T7 đến ngày 15/6/2025 thì tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 831/KL-PY ngày 26 tháng 06 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh Q (nay là tỉnh Quảng Trị), kết luận nguyên nhân chết của chị Hoàng Thị L: Chấn thương sọ não đã điều trị không hồi phục.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường cụ thể: Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường liên thôn thẳng, dọc theo hướng Đ - T nối từ Quốc Lộ A vào cổng chào thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị. Địa điểm xảy ra tai nạn là vị trí ngã ba đường giao nhau giữa đường nội thôn C rộng 2,7 mét (điểm đầu nối rộng 3,8 mét) với đường liên thôn rộng 3,8 mét.

Cách mốc cố định 16.42m, về hướng T là tâm điểm đầu vị trí số 1: Đám chất màu đỏ trên mặt đường, kích thước 0,1 x 0,07m từ tâm vị trí số 1 đến mép đường chuẩn là 1,02m; từ tâm vị trí số 1 đến vị trí giao nhau giữa đường nội thôn và đường liên thôn là 5,8m; từ tâm vị trí số 1 đến vị trí giao nhau giữa đường liên thôn V là 21,5m.

Lấy cột điện nằm ở góc phía Đông Bắc của hiện trường làm mốc cố định, lấy mép đường chuẩn là mép bên phải theo hướng của xe mô tô BKS: 73D1 – 081.78 của đường liên thôn.

Vị trí số 1 là vị trí cột điện dùng làm điểm mốc. Vị trí số 2 là vị trí xe mô tô BKS: 73D1 - 081.78. Vị trí số 3 là vị trí xe mô tô BKS: 73E1 - 432.72. Vị trí số 4 là vị trí tương ứng trên mặt đường khi phân phía trước bánh trước xe mô tô BKS: 73E1 - 432.72 va chạm với chị Hoàng Thị L. Vị trí số 5 là vị trí tương ứng của đám chất màu nâu đỏ trên mặt đường. Vị trí số 6 là vị trí xe mô tô 73D1 - 081.78 dừng lại sau khi xảy ra tai nạn vào ngày 14/6/2025.

Xác định điểm đâm va giữa xe mô tô BKS 73E1-432.72 do Hoàng Thị T6 điều khiển với xe mô tô BKS 73D1-081.78 do Nguyễn Thị H điều khiển, phía sau chở chị Hoàng Thị L là ở vị trí số 4, cách mép đường bên phải 2,6 mét.

Kết luận giám định số: 1070/KL-KTHS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Phòng KTHS Công an tỉnh Q: Không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 73D1-08178 và xe mô tô biển kiểm soát 73E1-43272.

Kết luận giám định số 830/KL-GĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Phòng KTHS Công an tỉnh Q, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong mẫu cần giám định ký hiệu A.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra bị cáo, anh Cao Văn N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của hội đồng giám định.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 (một) xe mô tô BKS: 73E1 - 432.72; 01 (Một) xe mô tô BKS: 73D1 - 081.78; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 00859 cấp ngày 07/5/2014; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 73001198 cấp ngày 30/3/2021; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số AF 310076, cấp ngày 16/4/2008 của Nguyễn Thị T2; 01 (một) USB Kingston màu đỏ, dung lượng 08GB, chứa dữ liệu trích xuất Camera giám sát an ninh của thôn chợ C, xã T.

Xử lý vật chứng: Ngày 12/11/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Nguyễn Thị T2 xe mô tô BKS: 73E1 - 432.72 và Giấy chứng nhận đăng ký xe số 73001198 cấp ngày 30/3/2021 là chủ sở hữu; trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ xe mô tô BKS: 73D1 - 081.78 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 00859 cấp ngày 07/5/2014 là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T2 cùng gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Cao Văn N là người đại diện cho phía bị hại tổng số tiền: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSKV2-HS ngày 18/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Quảng Trị truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị T2 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T2 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 12 tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo H, T2 không có ý kiến gì về quyết định truy tố của VKSND khu vực 2, bị cáo H, T2 khai nhận hành vi của mình.

- Bị cáo Nguyễn Thị H trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình, gia đình hoàn cảnh khó khăn mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Thị T2 trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, chồng không làm được việc và hưởng chế độ của nhà nước mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, VKSND khu vực 2 – Quảng Trị, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo pháp luật

của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Ngày 14/06/2025, Nguyễn Thị H không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73D1-08178 có dung tích xi lanh 124cm phía sau chở chị Hoàng Thị L đi bên trái đường, khi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn C, xã T, tỉnh Quảng Trị đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 73E1-42372 do Nguyễn Thị T2 điều khiển đi từ đường nhánh nội thôn ra làm chị Hoàng Thị L ngã xuống đường và tử vong sau đó. Hành vi của Nguyễn Thị T2 đã vi phạm khoản 1 Điều 22 của Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đối với Nguyễn Thị T2, điều khiển xe mô tô BKS 73E1- 423.72 đi từ đường nhánh nội thôn ra đường chính không chú ý quan sát, không nhường đường cho xe mô tô BKS 73D1 - 081.78 do Nguyễn Thị T2 điều khiển đang đi trên đường chính dẫn đến va chạm gây tai nạn làm chị L bị chết. Hành vi của Nguyễn Thị H đã vi phạm khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 56 của Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Điều 260 của Bộ luật Hình sự quy định: *1. “Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

a, L1 chết người”

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a, Không có giấy phép lái xe theo quy định.

...

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp và các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T2 phạm tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của

Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị T2 theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng, tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe và giáo dục chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Nhân thân: Bị cáo H, T2 không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt chính: Bị cáo H, T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta. Tại phiên tòa đại diện VKSND khu vực cũng đề nghị cho hai bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H và T2.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T2: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số AF 310076, cấp ngày 16/4/2008 của Nguyễn Thị T2. Lưu theo hồ sơ: 01 (một) USB Kingston màu đỏ, dung lượng 08GB, chứa dữ liệu trích xuất Camera giám sát an ninh của thôn chợ C, xã T.

Việc trả lại các vật chứng vào ngày 12/11/2025 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Cao Văn N không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng và án phí. Đối với đề nghị của đại diện VKS cho hai bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử không chấp nhận, căn cứ mục 5, Phần I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/09/2019, đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản thì mới được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T2 phạm tội: “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/01/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/01/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T2: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số AF 310076, cấp ngày 16/4/2008 của Nguyễn Thị T2. Lưu theo hồ sơ: 01 (một) USB

Kingston màu đỏ, dung lượng 08GB, chứa dữ liệu trích xuất Camera giám sát an ninh của thôn chợ C, xã T.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, ông Cao Văn N, Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/01/2026).

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị (PC 06);
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 2- Quảng Trị;
- Bị cáo; đại diện bị hại, người có QLNVLQ; **Đình Đức Cảnh**
- Lưu hồ sơ.